

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**
Số: 227/2024/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Càng Long, ngày 13 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15, 26 của Nghị quyết số:
326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc các
đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý
số: 572/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về
việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự
không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có
đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1964 (*Đã chết*).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

1- Bà Huỳnh Thị O, sinh năm: 1964;

2- Anh Nguyễn Thái D1, sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm: 1986
(Theo văn bản ủy quyền ngày 08/02/2021).

Nơi đăng ký HKTT: ấp Rách Mát, xã Nhị Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà
Vinh.

Chỗ ở: ấp Phú Phong, xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1- Ông Nguyễn Thái L, sinh năm: 1980;

2- Bà Huỳnh Thị O, sinh năm: 1964;

3- Anh Nguyễn Thái D1, sinh năm: 1991;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4- Bà Trần Thị Kim N, sinh năm: 1986.

Nơi đăng ký HKTT: ấp Rách Mát, xã Nhị Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: ấp Phú Phong, xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Thành Đ, bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Thái L (chồng bà N) tự nguyện giao trả quyền sử dụng đất diện tích $3,6m^2$, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần của thửa số 861, tờ bản đồ số 48, diện tích chung theo đo đạc thực tế là $140,4m^2$, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh, do hộ ông Nguyễn Văn D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, giao trả đất cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Nguyễn Văn D (1964 - 2024) là bà Huỳnh Thị O và anh Nguyễn Thái D1. Trên phần diện tích $3,6m^2$ hiện trạng không có tài sản gì trên đất.

Vị trí diện tích đất $3,6m^2$ là phần A2 trên Sơ đồ khu đất:

- Hướng đông giáp Quốc lộ F. Nhựa có số đo 0,15 mét.
- Hướng tây giáp phần còn lại của thửa số 861 có số đo 0,1 mét.
- Hướng nam giáp thửa số 1054 có số đo 28,96 mét.
- Hướng bắc giáp phần còn lại của thửa số 861 có số đo 28,96 mét.

(Kèm theo Công văn số 753/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 15/7/2024 và Sơ đồ khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T).

2.2. Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của ông Nguyễn Thành Đ (Do bà Trần Thị Kim N đại diện theo ủy quyền) đối với diện tích $2,9m^2$, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần của thửa số 1054, tờ bản đồ số 5, diện tích chung $855m^2$, qua đo đạc thực tế diện tích thửa đất là $782,5m^2$ (Giảm $72,5m^2$ do chênh lệch giữa các tài liệu đo đạc), đất tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh, do ông Nguyễn Thành Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Trên phần diện tích $2,9m^2$ có một phần bức tường nhà của vợ chồng bà N, ông Nguyễn Thái L.

Vị trí diện tích đất $2,9m^2$ là phần A1 trên Sơ đồ khu đất:

- Hướng đông giáp Quốc lộ F. Nhựa có số đo 0,1 mét.
- Hướng tây giáp phần còn lại của thửa số 1054 có số đo 0,1 mét.
- Hướng nam giáp phần còn lại của thửa số 1054 có số đo 28,96 mét.
- Hướng bắc giáp thửa số 861 có số đo 28,96 mét.

(Kèm theo Công văn số 753/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 15/7/2024 và Sơ đồ khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T).

2.3. Đình chỉ các phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Nguyễn Văn D đối với ông Nguyễn Văn Đ1, bà Trần Thị Kim N, ông Nguyễn Thái L, gồm:

2.3.1- Trả diện tích $6,6m^2$ (Do chênh lệch so với yêu cầu tranh chấp lúc đầu).

2.3.2- Đòi bồi thường thiệt hại mất thu nhập ngày công lao động bằng số tiền 182.500.000đ (Một trăm tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

2.3.3- Di dời chuồng gà vật nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường và không gây tiếng ồn ảnh hưởng cuộc sống gia đình ông D.

2.3.4- Trả lại hiện trạng đường cấp viễn thông cách mái tol nhà ông D khoảng 01 mét, đảm bảo an toàn cho gia đình ông D.

2.3.5- Di dời phần đường ống chất thải rắn mà ông Đ1, ông L, bà N đặt trong phần đất của ông D ra khỏi đất.

Do nguyên đơn ông D có đơn yêu cầu rút lại và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D là bà O, anh D1 thống nhất rút lại 05 phần yêu cầu này, không tranh chấp nữa.

2.4. Để đảm bảo cho việc thi thành án, các bên đương sự giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp. Không được đào phá, hủy hoại, làm thay đổi hiện trạng đất, không được chuyển nhượng hoặc thực hiện bất cứ hình thức nào khi chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền. Khi án có hiệu lực pháp luật các bên có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chỉnh lý, thay đổi, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2.5. Về chi phí tố tụng:

2.5.1. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Bà Huỳnh Thị O và anh Nguyễn Thái D1 (Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn D) và ông Nguyễn Thành Đ (Do bà Trần Thị Kim N đại diện theo ủy quyền) mỗi bên đương sự tự nguyện chịu chi phí thẩm định đất, định giá tài sản tranh chấp là 3.950.000đ (Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Số tiền bà O, anh D1 tự nguyện chịu được trừ vào tiền tạm ứng mà ông D đã nộp đủ. Và bà O, anh D1 được hoàn trả lại số tiền tạm ứng 3.950.000đ (Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) khi thu được từ ông Đ (Do bà N đại diện theo ủy quyền) nộp trả lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long.

2.5.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) cho ông Nguyễn Văn D, do là người cao tuổi, xin miễn án phí và được Tòa án chấp nhận. Hoàn trả lại cho ông D (Do người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D là bà Huỳnh Thị O và anh Nguyễn Thái D1 nhận) số tiền tạm ứng án phí đã nộp do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu tổng cộng là 5.462.000đ (Năm triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0003594 ngày 30/9/2020 và biên lai số 0013925 ngày 11/7/2023.

Ông Nguyễn Thành Đ (Do bà Trần Thị Kim N đại diện theo ủy quyền) tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Thảo